

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG
MOBIFONE

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng công ty và các công ty con.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Viễn thông MobiFone tiền thân là Công ty Thông tin Di động, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 321/QĐ-TCCB-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 1993 của Tổng cục Bưu điện, nay là Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Quyết định số 1798/QĐ-BTTTT do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 01 tháng 12 năm 2014, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phê duyệt việc thành lập Tổng công ty Viễn thông MobiFone trên cơ sở tổ chức lại Công ty Thông tin Di động. Sau đó, Tổng công ty cũng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100686209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 1 năm 2015. Tổng công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc thay đổi thông tin về chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật.

Theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty được chuyển giao từ Bộ Thông tin và Truyền thông sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (+84-24) 37831800
- Fax : (+84-24) 37831734

Các đơn vị thành viên trực thuộc hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng Tổng công ty	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 1	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 3	Thành phố Đà Nẵng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 4	Thành phố Vĩnh Yên
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 5	Thành phố Hải Phòng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 6	Thành phố Vinh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 7	Thành phố Nha Trang
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 8	Thành phố Biên Hòa
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 9	Thành phố Cần Thơ
Trung tâm Viễn thông Quốc Tế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Dịch vụ số MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Công nghệ thông tin MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Trung	Thành phố Đà Nẵng
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Quản lý điều hành mạng	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Đo kiểm và Sửa chữa thiết bị viễn thông MobiFone	Thành phố Hà Nội

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Tính cước và Thanh khoản MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Tư vấn- Thiết kế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án hạ tầng 1	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án hạ tầng 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Ban Quản lý Dự án hạ tầng 3	Thành phố Đà Nẵng
Ban Quản lý Dự án Kiến trúc 1	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án Kiến trúc 2	Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo đăng ký là:

- Đầu tư, xây dựng, vận hành, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình, truyền thông đa phương tiện;
- Sản xuất, lắp ráp và xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây lắp chuyên ngành điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Bảo trì, sửa chữa thiết bị chuyên ngành điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin; và
- Các ngành nghề khác.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Đình Chiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2021
Bà Phan Thị Hoa Mai	Thành viên	Hết hiệu lực ngày 28 tháng 01 năm 2020 và không tái bổ nhiệm

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Tô Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2019
Ông Bùi Sơn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2020
Ông Vĩnh Tuấn Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2020
Ông Thiêm Công Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2020
Ông Nguyễn Đăng Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	Hết hiệu lực ngày 03 tháng 02 năm 2020 và không tái bổ nhiệm
Ông Hồ Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Hết hiệu lực ngày 27 tháng 4 năm 2020 và không tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Hết hiệu lực ngày 03 tháng 02 năm 2020 và không tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bảo Long	Phó Tổng Giám đốc	Hết hiệu lực ngày 03 tháng 02 năm 2020 và không tái bổ nhiệm
Bà Phạm Thị Phương Anh	Phó Tổng Giám đốc	Hết hiệu lực ngày 12 tháng 03 năm 2020 và không tái bổ nhiệm
Ông Phan Tuấn Anh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 02 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Chủ tịch (đến ngày 09 tháng 3 năm 2021) và Ông Tô Mạnh Cường – Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2021).

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Tô Mạnh Cường

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Số: 1.0793/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) và các công ty con, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các Công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Viễn thông MobiFone tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số IV.17 và số IV.21 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả yếu tố khách quan tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đang chờ phê duyệt.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Võ Hùng Tiến - Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0083-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1907-2018-008-1

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.917.086.008.390	14.363.676.367.451
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	922.716.926.623	1.308.606.791.930
1. Tiền	111		241.076.576.253	321.421.254.020
2. Các khoản tương đương tiền	112		681.640.350.370	987.185.537.910
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.328.357.953.811	10.306.223.707.877
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	11.328.357.953.811	10.306.223.707.877
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.704.728.828.125	1.770.742.017.215
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.678.972.396.883	1.618.253.501.470
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	169.232.265.986	216.848.399.446
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	507.612.450.277	522.068.603.289
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(651.223.657.355)	(586.593.859.324)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		135.372.334	165.372.334
IV. Hàng tồn kho	140		114.348.775.143	208.492.391.306
1. Hàng tồn kho	141	V.7	122.942.608.882	219.628.031.391
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(8.593.833.739)	(11.135.640.085)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		846.933.524.688	769.611.459.123
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	424.652.260.191	363.868.985.210
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.10	415.549.431.313	400.601.884.039
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	6.731.833.184	5.140.589.874
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.235.854.642.819	17.240.665.795.276
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.786.706.636	13.176.668.876
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	13.786.706.636	13.176.668.876
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		14.622.655.468.245	13.001.362.488.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	13.610.619.836.327	12.164.283.868.427
Nguyên giá	222		57.457.636.280.908	51.385.493.875.455
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.847.016.444.581)	(39.221.210.007.028)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.012.035.631.918	837.078.620.429
Nguyên giá	228		2.602.073.483.729	2.372.235.706.182
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.590.037.851.811)	(1.535.157.085.753)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		204.094.356.230	440.757.526.366
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	204.094.356.230	440.757.526.366
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.045.066.591.963	3.600.066.591.963
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	66.591.963	66.591.963
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	2.045.000.000.000	3.600.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		350.251.519.745	185.302.519.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	350.095.640.770	129.728.515.884
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	155.878.975	55.574.003.331
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		32.152.940.651.209	31.604.342.162.727

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.703.677.876.349	10.284.180.058.704
I. Nợ ngắn hạn	310		8.496.401.695.747	9.130.113.363.761
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	5.251.974.736.577	5.412.395.850.094
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		162.474.585.965	124.563.861.976
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	880.277.545.139	979.922.092.715
4. Phải trả người lao động	314		805.104.605.062	612.464.485.362
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	796.926.205.848	771.661.272.935
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		107.890.066.046	83.802.494.997
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	91.488.391.428	133.191.335.111
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	67.128.271.630	687.012.833.385
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	333.137.288.052	325.099.137.186
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.207.276.180.602	1.154.066.694.943
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		966.884.055	1.966.878.800
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	81.283.552.782	86.579.772.805
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		123.042.795	238.474.300
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.18	1.124.902.700.970	1.065.281.569.038

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.449.262.774.860	21.320.162.104.023
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	22.449.262.774.860	21.320.162.104.023
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000.000	15.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		35.203.499.235	35.203.499.235
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		10.733.285.540	10.972.595.507
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.053.193.718.550	5.928.045.074.870
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		108.726.464.224	109.943.838.738
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		100.608.988.238	109.943.838.738
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.117.475.986	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		241.405.807.311	235.997.095.673
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32.152.940.651.209	31.604.342.162.727

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Tạ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh



Tô Mạnh Cường

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	31.151.375.191.049	34.411.282.262.717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.404.494.784	14.094.088.579
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.149.970.696.265	34.397.188.174.138
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	22.841.893.310.425	23.688.798.728.634
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.308.077.385.840	10.708.389.445.504
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	981.776.713.677	1.039.120.696.229
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	62.347.265.950	102.816.222.638
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.383.930.838	80.410.813.916
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.805.333.445.867	4.619.677.344.206
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	692.102.407.642	927.241.783.807
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.730.070.980.058	6.097.774.791.082
12. Thu nhập khác	31	VI.7	14.749.712.983	97.872.649.055
13. Chi phí khác	32	VI.8	12.217.809.261	5.077.800.945
14. Lợi nhuận khác	40		2.531.903.722	92.794.848.110
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.732.602.883.780	6.190.569.639.192
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	891.150.918.179	1.266.254.145.985
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	55.302.840.638	(27.590.502.074)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.786.149.124.963	4.951.905.995.281
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.752.314.152.090	4.920.360.610.668
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		33.834.972.873	31.545.384.613

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Tạ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh



TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.732.602.883.780	6.190.569.639.192
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	4.753.361.670.716	4.274.632.388.672
- Các khoản dự phòng	03		62.087.991.685	72.979.021.227
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.212.679.592)	(49.647.267)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(918.804.812.196)	(1.034.309.668.688)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	22.383.930.838	80.410.813.916
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.18	136.000.000.000	193.500.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.785.418.985.231	9.777.732.547.052
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(599.930.702.349)	559.497.938.880
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		96.685.422.509	108.428.707.439
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		613.276.790.011	(780.094.739.657)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(281.154.045.822)	(37.737.834.474)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(35.753.497.413)	(81.872.242.266)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(1.064.462.099.106)	(1.402.399.377.543)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(302.683.735.648)	(305.863.698.510)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.211.397.117.413	7.837.691.300.921
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.119.533.667.027)	(3.768.796.789.669)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(4.650.912.760)	27.713.699.925
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.417.147.000.000)	(15.511.558.294.274)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.950.202.761.240	13.290.787.372.028
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	158.035.047.905
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		958.537.383.151	696.433.499.394
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.632.591.435.396)	(5.107.385.464.687)

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	5.400.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	3.850.396.549.725	1.854.788.451.085
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(4.470.281.111.480)	(2.697.092.102.858)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.344.807.324.214)	(3.930.483.028.335)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(2.964.691.885.969)</i>	<i>(4.767.386.680.108)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(385.886.203.952)	(2.037.080.843.874)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.308.606.791.930	3.345.693.597.148
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.661.355)	(5.961.344)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	922.716.926.623	1.308.606.791.930

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Tạ Thị Thu Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Tô Mạnh Cường

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) tiền thân là Công ty Thông tin Di động, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 321/QĐ-TCCB-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 1993 của Tổng cục Bưu điện, nay là Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Quyết định số 1798/QĐ-BTTTT do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 01 tháng 12 năm 2014, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phê duyệt việc thành lập Tổng công ty Viễn thông MobiFone trên cơ sở tổ chức lại Công ty Thông tin Di động. Sau đó, Tổng công ty cũng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100686209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 1 năm 2015. Tổng công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc thay đổi thông tin về chủ sở hữu.

Theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty được chuyển giao từ Bộ Thông tin và Truyền thông sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là: Đầu tư, xây dựng, vận hành, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, với diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, cùng những tác động tiêu cực lên toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cũng chịu ảnh hưởng, tác động nhiều chiều bởi các yếu tố khách quan. Tổng công ty đã thực hiện các hoạt động đóng góp, hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19 với xã hội và triển khai các giải pháp để giảm thiểu tác động của dịch bệnh đến các hoạt động sản xuất kinh doanh. Sau khi loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, Tổng công ty đạt được kết quả kế hoạch được giao.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Cấu trúc Tổng công ty

Tổng công ty bao gồm Công ty mẹ, 03 công ty con trực tiếp và 5 công ty con gián tiếp chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone ⁽ⁱ⁾	Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ liên quan đến cuộc gọi bao gồm dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại, dịch vụ cho thuê đài trạm phát sóng, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên mạng di động và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu ⁽ⁱⁱ⁾	105, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ liên quan đến viễn thông, bao gồm dịch vụ truyền thông đa phương tiện, nội dung số, kinh doanh dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động khác đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	69,42%	69,42%	69,42%
Công ty Cổ phần Dịch vụ gia tăng MobiFone	MM18 đường Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp hoạt động viễn thông không dây và có dây; cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, các dịch vụ liên quan đến máy tính; và một số dịch vụ khác và kinh doanh thiết bị đầu cuối	96,23%	96,23%	96,23%

(i) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone ít hơn 50% nhưng Tổng công ty thực hiện quyền kiểm soát đối với Công ty con này qua việc có 3 đại diện trong tổng số 5 thành viên Hội đồng Quản trị trong Công ty con này kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2018. Do vậy Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone bị Tổng công ty kiểm soát và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty gián tiếp kiểm soát các công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu. Tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tổng công ty trong các Công ty con gián tiếp này như sau:

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty MobiFone Global Singapore Pte Ltd	Singapore	51,00 %	35,40 %	Cung cấp dịch vụ điện thoại quốc tế và dịch vụ giá trị gia tăng, dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông
Công ty VNPT Global HK (Hong Kong)	Hồng Kông	60,00 %	41,65 %	Cung cấp dịch vụ kết nối internet, dữ liệu; cung cấp dịch vụ điện thoại quốc tế; và dịch vụ giá trị gia tăng, dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông
Công ty MobiFone Global USA	Mỹ	100,00 %	69,42 %	Triển khai các hoạt động nghiên cứu thị trường viễn thông Hoa Kỳ; cung cấp dịch vụ cho thuê hạ tầng thiết bị viễn thông
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	Hà Nội	60,00 % ^(*)	27,77 %	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, các dịch vụ liên quan đến máy tính và một số dịch vụ khác
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ MobiFone Toàn Cầu	Hà Nội	100,00 %	69,42 %	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, các dịch vụ liên quan đến máy tính và một số dịch vụ khác

(*) Mặc dù Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu không sở hữu trên 50% vốn góp tại Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp công nghệ Việt Nam tuy nhiên Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu nhận được ủy quyền thay mặt các cổ đông không kiểm soát nắm giữ 20% vốn góp thực hiện toàn bộ các quyền biểu quyết của cổ đông thiểu số theo giấy ủy quyền có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019. Theo đó, Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp công nghệ Việt Nam vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng công ty và các Công ty con có 8.650 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 5.469 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi nhuận.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 2% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng công ty đang trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo tỷ lệ trích lập được hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”).

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty chủ yếu là chi phí thuê nhà trạm, cửa hàng, văn phòng; phí tần số, phí thuê kênh; công cụ dụng cụ đã xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 -25
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 30-50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3-5 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3-5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tổng công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Thành viên của Tổng công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ 3% đến 10% thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Tổng công ty sẽ phải nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ Thông tin và Truyền thông tối thiểu 20% số quỹ đã trích lập mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70%. Ngoài ra, Tổng công ty cũng sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu của Tổng công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp về Ngân sách Nhà nước sau khi Tổng công ty trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi đánh giá xếp loại doanh nghiệp năm 2020 theo các quy định tại Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 và Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 để phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi thì Doanh nghiệp được loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Theo đó, Tổng công ty đã điều chỉnh loại trừ các ảnh hưởng khách quan do dịch bệnh Covid-19 tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, số chi phí hợp lý được Tổng công ty xác định để loại trừ là 1.690 tỷ VND. Số liệu loại trừ này đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ dịch vụ viễn thông trả sau

Doanh thu từ dịch vụ trả sau bao gồm cước thuê bao thu hàng tháng, doanh thu cước các dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng. Doanh thu từ cước thuê bao hàng tháng và cước các dịch vụ cơ bản, dịch vụ giá trị gia tăng được ghi nhận khi dịch vụ đã cung cấp tới khách hàng. Doanh thu về cước hòa mạng được ghi nhận khi khách hàng đã hòa mạng và có thể sử dụng được các dịch vụ.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu từ kinh doanh thẻ dịch vụ viễn thông di động trả trước

Doanh thu từ dịch vụ trả trước được ghi nhận dựa trên số tiền thu được khi thẻ viễn thông trả trước được bán cho người mua, không phụ thuộc vào giá trị của lưu lượng sử dụng thực tế của khách hàng và Tổng công ty có cam kết với khách hàng về việc cung cấp dịch vụ viễn thông theo Công văn số 18494/BTC-CĐKT hướng dẫn hạch toán doanh thu bán thẻ trả trước của doanh nghiệp viễn thông do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 12 năm 2015.

Doanh thu từ cước kết nối và chuyển vùng quốc tế

Doanh thu từ cước kết nối và chuyển vùng quốc tế được ghi nhận khi có phát sinh dịch vụ kết nối và chuyển vùng quốc tế dựa vào biên bản đối soát hàng tháng giữa Tổng công ty và các đối tác, hoặc theo dữ liệu cước kết nối ước tính của Tổng công ty trong trường hợp việc đối soát chưa hoàn thành. Doanh thu này được ghi nhận bằng số cước mà Tổng công ty được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ kết nối và chuyển vùng quốc tế trong tháng.

Doanh thu từ dịch vụ thanh toán trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ thanh toán trực tuyến được ghi nhận căn cứ vào toàn bộ số tiền thực tế thu được khi khách hàng dùng thẻ trả trước do Tổng công ty phát hành để nạp tiền vào tài khoản thanh toán trực tuyến được mở tại các đơn vị cung cấp dịch vụ này. Phần phí dịch vụ phải trả cho các đối tác cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến được ghi nhận là giá vốn cung cấp dịch vụ và bán hàng tương ứng. Tổng công ty thực hiện việc ghi nhận doanh thu và giá vốn cho dịch vụ này dựa trên hướng dẫn tại Văn bản số 30912/CT-HTr ban hành bởi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 09 tháng 12 năm 2011.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Chi phí lương

Chi phí lương được trích và ghi nhận theo hướng dẫn tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Khi đánh giá năng suất lao động và lợi nhuận của MobiFone khi xác định Quỹ tiền lương năm 2020 theo quy định tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 thì Doanh nghiệp được loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Theo đó, Tổng công ty đã điều chỉnh loại trừ các ảnh hưởng khách quan do dịch bệnh Covid-19 tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, số chi phí hợp lý được Tổng công ty xác định để loại trừ là 1.690 tỷ VND. Số liệu loại trừ này đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.918.430.575	4.284.294.880
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	235.749.173.294	316.654.808.780
Tiền đang chuyển	408.972.384	482.150.360
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	681.640.350.370	987.185.537.910
Cộng	<u>922.716.926.623</u>	<u>1.308.606.791.930</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	11.328.357.953.811	10.306.223.707.877
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	2.045.000.000.000	3.600.000.000.000
Cộng	<u>13.373.357.953.811</u>	<u>13.906.223.707.877</u>

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu từ khách hàng dùng dịch vụ trả sau	1.175.551.368.873	1.165.710.270.912
Phải thu về các dịch vụ viễn thông và CNTT khác	503.421.028.010	452.543.230.558
Cộng	<u>1.678.972.396.883</u>	<u>1.618.253.501.470</u>

Dự phòng phải thu khó đòi (651.223.657.355) (586.593.859.324)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ Viễn thông tin học Sun Việt	-	94.890.262.598
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	2.280.295.200	25.196.997.082
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông DTS	-	23.494.992.154
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp khác	166.951.970.786	73.266.147.612
Cộng	<u>169.232.265.986</u>	<u>216.848.399.446</u>

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>		
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	444.821.062.355	479.923.070.550
Phải thu người lao động	10.055.812.852	10.564.962.371
Ký cược, ký quỹ	6.323.571.214	2.982.163.502
Phải thu ngắn hạn khác	46.412.003.856	28.598.406.866
Cộng	<u>507.612.450.277</u>	<u>522.068.603.289</u>
<i>Dài hạn</i>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	13.786.706.636	13.176.668.876
Cộng	<u>13.786.706.636</u>	<u>13.176.668.876</u>

6. Nợ xấu

Đây là khoản phải thu khách hàng quá hạn từ 3 tháng trở lên, trong đó giá trị có thể thu hồi được ước tính bằng số dư phải thu khách hàng quá hạn trừ đi giá trị dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	695.300.227.453	633.119.511.949
Giá trị dự phòng	(651.223.657.355)	(586.593.859.324)
Giá trị có thể thu hồi	<u>44.076.570.098</u>	<u>46.525.652.625</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	64.555.417.437	(512.587.367)	65.924.608.415	(135.673.159)
Công cụ, dụng cụ	1.490.445.843	-	1.707.946.399	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.711.801.200	-	67.823.780.100	-
Hàng hóa	49.259.537.609	(8.076.750.810)	80.434.584.971	(10.999.966.926)
Hàng gửi đi bán	1.925.406.793	(4.495.562)	1.995.611.506	-
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.741.500.000	-
Cộng	<u>122.942.608.882</u>	<u>(8.593.833.739)</u>	<u>219.628.031.391</u>	<u>(11.135.640.085)</u>

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê nhà trạm, văn phòng cửa hàng	221.024.997.796	230.309.162.830
Phí tần số, thuê kênh	86.522.574.124	86.692.097.208
Cải tạo nhà trạm, văn phòng cửa hàng	30.494.066.103	7.705.126.126
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	37.537.147.392	5.669.589.638
Chi phí sửa chữa TSCĐ	15.603.909.201	1.705.937.614
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	3.862.397.987	8.050.760.167
Các chi phí khác	29.607.167.588	23.736.311.627
Cộng	<u>424.652.260.191</u>	<u>363.868.985.210</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	50.245.627.404	59.250.488.018
Cải tạo nhà trạm, văn phòng cửa hàng	71.110.127.472	24.181.094.095
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	84.011.474.807	17.193.590.155
Chi phí thuê nhà trạm, văn phòng cửa hàng	29.992.500	315.657.500
Phí tần số, thuê kênh	985.265.981	5.340.755.668
Chi phí sửa chữa TSCĐ	45.479.477.091	10.522.676.974
Các chi phí khác	98.233.675.515	12.924.253.474
Cộng	<u>350.095.640.770</u>	<u>129.728.515.884</u>

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	5.063.098.245.844	42.039.795.768.140	4.002.385.349.644	246.691.569.857	33.522.941.970	51.385.493.875.455
Mua trong năm	76.804.015.161	3.821.040.507.879	500.715.797.409	31.789.561.065	-	4.430.349.881.514
Đầu tư XDCB hoàn thành	631.208.915.198	108.610.528.415	32.494.076.570	817.401.380	992.799.000	774.123.720.563
Nâng cấp trong năm	24.891.386.255	853.610.484.459	-	-	-	878.501.870.714
Tặng/giảm theo quyết định phê duyệt quyết toán	13.099.910.605	(28.825.393.698)	31.842.897.353	59.477.263	-	16.176.891.523
Phân loại lại	(4.161.535.286)	(623.232.513)	3.333.283.849	432.483.950	-	(1.019.000.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.436.327.858)	-	(6.407.506.579)	(617.685.782)	(25.461.520.219)
Giảm khác	-	(521.072.088)	(1.757.242)	(6.609.312)	-	(529.438.642)
Số cuối năm	5.804.940.937.777	46.774.651.262.736	4.570.769.647.583	273.376.377.624	33.898.055.188	57.457.636.280.908
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.943.712.283.881	25.510.331.602.510	2.032.952.652.898	164.383.061.883	31.099.190.213	29.682.478.791.385
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.138.950.235.417	33.043.407.709.414	2.797.048.025.363	208.664.154.427	33.139.882.407	39.221.210.007.028
Khấu hao trong năm	474.164.225.276	3.702.862.287.714	455.707.823.704	19.782.965.916	150.120.242	4.652.667.422.852
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.436.327.858)	-	(6.407.506.579)	(617.685.782)	(25.461.520.219)
Giảm do phân loại lại	-	16.040.320	-	(1.035.040.320)	-	(1.019.000.000)
Giảm khác	-	(387.179.932)	3.769.150	2.955.431	(9.729)	(380.465.080)
Số cuối năm	3.613.114.460.693	36.727.462.529.658	3.252.759.618.217	221.007.528.875	32.672.307.138	43.847.016.444.581
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.924.148.010.427	8.996.388.058.726	1.205.337.324.281	38.027.415.430	383.059.563	12.164.283.868.427
Số cuối năm	2.191.826.477.084	10.047.188.733.078	1.318.010.029.366	52.368.848.749	1.225.748.050	13.610.619.836.327



TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	718.963.924.752	574.769.573.608	1.076.540.949.822	1.961.258.000	2.372.235.706.182
Số đầu năm	-	93.922.424.724	153.934.742.905	-	247.857.167.629
Mua trong năm	-	-	27.352.063.967	-	27.352.063.967
Nâng cấp trong năm	-	134.441.818	309.430.718	-	443.872.536
Điều chỉnh theo quyết định phê duyệt quyết toán	-	-	1.019.000.000	-	1.019.000.000
Tăng do phân loại lại	-	(33.570.467.842)	(13.263.858.743)	-	(46.834.326.585)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	718.963.924.752	635.255.972.308	1.245.892.328.669	1.961.258.000	2.602.073.483.729

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	42.982.498.784	515.672.447.009	974.905.258.451	1.596.881.509	1.535.157.085.753
Khấu hao trong năm	5.304.958.559	33.797.869.870	61.361.698.862	226.074.618	100.690.601.909
Tăng do phân loại lại	-	-	1.019.000.000	-	1.019.000.000
Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ KHCN	-	-	5.490.734	-	5.490.734
Thanh lý, nhượng bán	-	(33.570.467.842)	(13.263.858.743)	-	(46.834.326.585)
Số cuối năm	48.287.457.343	515.899.849.037	1.024.027.589.304	1.822.956.127	1.590.037.851.811

Giá trị còn lại

Số đầu năm	675.981.425.968	59.097.126.599	101.635.691.371	364.376.491	837.078.620.429
Số cuối năm	670.676.467.409	119.356.123.271	221.864.739.365	138.301.873	1.012.035.631.918

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	143.011.771.181	13.225.694.703
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	61.082.585.049	427.531.831.663
Công trình nhà Điều hành Viễn thông MobiFone Đà Nẵng	-	170.260.567.075
Công trình nhà Điều hành Viễn thông MobiFone Phú Thọ	-	106.588.311.878
Các công trình khác	61.082.585.049	150.682.952.710
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	-	-
Cộng	<u>204.094.356.230</u>	<u>440.757.526.366</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nokia Siemens OY	742.643.234.031	745.100.636.871
Ericsson AB	340.059.407.322	463.058.847.329
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông	430.243.217.602	440.115.879.609
Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện	167.697.210.795	274.741.413.308
Huawei Technologies Company Limited	436.689.988.080	188.345.150.862
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thống DTS	126.051.322.295	19.584.810.360
Công ty TNHH Thiết bị Viễn thông ANSV	22.571.615.398	88.502.409.685
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp đặt Viễn thông	52.177.383.875	54.221.264.981
Phải trả đối tượng khác	2.933.841.357.179	3.138.725.437.089
Cộng	<u>5.251.974.736.577</u>	<u>5.412.395.850.094</u>

Tổng công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.884.087.794	52.072.085.080	875.192.643.553	(871.233.876.407)	3.884.087.794	56.030.852.226
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	121.254.936.949	(121.158.588.808)	-	96.348.141
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	5.506.654.683	(5.506.654.683)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	367.065.840	277.343.489.851	939.953.690.112	(1.064.462.099.106)	230.391.260	152.698.406.277
Thuế thu nhập cá nhân	889.436.240	21.390.609.020	94.635.642.002	(105.446.386.275)	2.600.241.130	12.290.669.637
Phải nộp Ngân sách Nhà nước ⁽ⁱ⁾	-	627.764.446.208	2.313.203.227.181	(2.324.030.331.510)	-	616.937.341.879
Các loại thuế khác	-	1.351.462.556	267.392.492.266	(226.537.140.843)	17.113.000	42.223.926.979
Cộng	5.140.589.874	979.922.092.715	4.617.139.286.746	(4.718.375.077.632)	6.731.833.184	880.277.545.139

⁽ⁱ⁾ Đây là phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp Ngân sách Nhà nước theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuê nhà trạm, cửa hàng	299.133.806.520	238.409.300.736
Chi phí phải trả các đối tác	269.176.285.095	201.525.623.871
Chi phí thuê kênh, tần số	82.187.279.666	73.407.423.105
Chi phí điện nước	33.004.210.322	42.069.172.652
Chi phí vật liệu, nhiên liệu	5.373.064.907	18.249.951.987
Chi phí cải tạo nhà trạm	527.080.595	16.017.353.752
Chi phí lãi vay	15.931.175	13.405.717.058
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ thuê ngoài	12.161.423.784	12.836.221.330
Chi phí dụng cụ	589.773.555	6.201.473.789
Các khoản trích trước khác	94.757.350.229	149.539.034.655
Cộng	<u>796.926.205.848</u>	<u>771.661.272.935</u>

15. Phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Quỹ Viễn thông công ích, phí thương quyền ⁽ⁱ⁾	38.593.200.802	78.002.487.426
Nhận ký quỹ, ký cược	10.376.427.047	19.649.193.561
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	5.376.381.091	4.876.164.064
Kinh phí công đoàn	4.895.100.069	2.701.786.710
Phải trả về cổ tức	1.880.779.650	1.409.979.650
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.366.502.769	26.551.723.700
Cộng	<u>91.488.391.428</u>	<u>133.191.335.111</u>
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	81.283.552.782	86.579.772.805
Cộng	<u>81.283.552.782</u>	<u>86.579.772.805</u>

⁽ⁱ⁾ Năm 2020, Tổng công ty dừng trích quỹ Viễn thông công ích theo Văn bản số 2771/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2020 về việc tạm dừng thu đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (năm trước Tổng công ty trích Quỹ viễn thông công ích theo tỷ lệ 0,7% trên doanh thu viễn thông theo hướng dẫn tại Quyết định số 868/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ ngày 16 tháng 7 năm 2018 sửa đổi bổ sung cho Quyết định số 1168/QĐ-TTG ngày 24 tháng 7 năm 2015 phê duyệt chương trình dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020; Thông tư số 21/2013/TT-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về doanh thu dịch vụ viễn thông và Thông tư số 57/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu nộp, hạch toán các khoản đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và việc chuyển giao tài sản hình thành từ kinh phí của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam đến năm 2020).

Tổng công ty trích Phí thương quyền theo tỷ lệ 0,5% trên doanh thu viễn thông theo quy định tại Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông và Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vay ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay thấu chi	6.775.890.733	2.027.686.479.150	(2.022.872.499.216)	11.589.870.667
Vay ngắn hạn các ngân hàng	28.709.420.595	1.822.710.070.575	(1.795.881.090.207)	55.538.400.963
Vay dài hạn đến hạn trả	651.527.522.057	-	(651.527.522.057)	-
Cộng	687.012.833.385	3.850.396.549.725	(4.470.281.111.480)	67.128.271.630

Tổng công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	255.831.455.837	255.627.981.104	-	(249.184.510.165)	262.274.926.776
Quỹ phúc lợi	66.980.170.624	62.934.087.520	2.000.000	(62.006.135.554)	67.910.122.590
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.287.510.725	742.928.215	-	(78.200.254)	2.952.238.686
Cộng	325.099.137.186	319.304.996.839	2.000.000	(311.268.845.973)	333.137.288.052

18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	<u>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</u>	<u>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.065.281.569.038	-	1.065.281.569.038
Hình thành TSCĐ trong năm	(1.252.574.000)	1.252.574.000	-
Trích lập trong năm	136.000.000.000	-	136.000.000.000
Giảm trong năm	(76.373.377.334)	-	(76.373.377.334)
Khấu hao trong năm	-	(5.490.734)	(5.490.734)
Số cuối năm	1.123.655.617.704	1.247.083.266	1.124.902.700.970

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
<i>Năm trước</i>							
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000.000	35.203.441.980	11.437.251.270	4.465.116.179.837	104.540.762.500	224.870.610.835	19.841.168.246.422
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	4.920.360.610.668	31.545.384.613	4.951.905.995.281
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.475.819.233.464	(1.475.819.233.464)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(309.035.890.369)	(3.464.726.626)	(312.500.616.995)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	(3.130.030.331.510)	-	(3.130.030.331.510)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(535.392.884)	(624.515.542)	(1.159.908.426)
Chia cổ tức tại các công ty con	-	-	-	-	-	(15.286.052.546)	(15.286.052.546)
Tăng vốn góp tại công ty con	-	-	-	-	-	6.500.984.929	6.500.984.929
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(5.834.880.822)	(5.834.880.822)
Giảm khác	-	57.255	(464.655.763)	(12.890.338.431)	463.313.797	(1.709.709.168)	(14.601.332.310)
Số dư cuối năm trước	15.000.000.000.000	35.203.499.235	10.972.595.507	5.928.045.074.870	109.943.838.738	235.997.095.673	21.320.162.104.023
<i>Năm nay</i>							
Số dư đầu năm nay	15.000.000.000.000	35.203.499.235	10.972.595.507	5.928.045.074.870	109.943.838.738	235.997.095.673	21.320.162.104.023
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	3.752.314.152.090	33.834.972.873	3.786.149.124.963
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty mẹ ⁽ⁱ⁾	-	-	-	1.123.232.002.831	(1.123.232.002.831)	-	-
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty con	-	-	-	1.916.640.849	(1.916.640.849)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi ⁽ⁱ⁾	-	-	-	-	(312.769.851.271)	(6.535.145.568)	(319.304.996.839)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	-	(2.313.125.026.927)	-	(2.313.125.026.927)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(528.112.585)	(544.487.415)	(1.072.600.000)
Chia cổ tức tại các công ty con	-	-	-	-	-	(21.164.967.704)	(21.164.967.704)
Giảm khác	-	-	(239.309.967)	-	(1.959.892.141)	(181.660.548)	(2.380.862.656)
Số dư cuối năm nay	15.000.000.000.000	35.203.499.235	10.733.285.540	7.053.193.718.550	108.726.464.224	241.405.807.311	22.449.262.774.860

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp nhất và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Tổng công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 (“Nghị định 91”) về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (“Nghị định 91”)
- (ii) Đây là lợi nhuận sau thuế năm 2020 đã trích lập phải nộp Ngân sách Nhà nước theo Nghị định 91. Số nộp chính thức sẽ được kết chuyển khi có văn bản phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 của chủ sở hữu.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (USD)	3.375.431,22	2.170.392,54
Euro (EUR)	24.652,73	37.884,20
Đô la Singapore (SGD)	20.987,21	3.872,57
Đô la Hồng Kông (HKD)	5.163,60	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	31.151.375.191.049	34.411.282.262.717
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	5.329.953.891.575	5.430.880.623.963
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.821.421.299.474	28.980.401.638.754
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.404.494.784)	(14.094.088.579)
Giảm giá hàng bán	-	(1.066.068.241)
Chiết khấu thương mại	(513.290.911)	(50.972.732)
Hàng bán bị trả lại	(891.203.873)	(12.977.047.606)
Doanh thu thuần	31.149.970.696.265	34.397.188.174.138

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.307.284.639.305	5.412.457.451.430
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.537.150.477.466	18.275.549.103.265
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.541.806.346)	792.173.939
Cộng	22.841.893.310.425	23.688.798.728.634

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	924.326.264.044	904.986.503.077
Lãi chênh lệch tỷ giá	57.383.818.978	29.142.494.240
Lãi thanh lý khoản đầu tư dài hạn khác	-	104.991.698.912
Doanh thu tài chính khác	66.630.655	-
Cộng	981.776.713.677	1.039.120.696.229

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	22.383.930.838	80.410.813.916
Lỗ chênh lệch tỷ giá	38.023.987.673	20.819.811.372
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư	1.295.640.881	398.048.506
Chiết khấu thanh toán, lãi hàng bán trả chậm	-	229.025.440
Chi phí tài chính khác	643.706.558	958.523.404
Cộng	<u>62.347.265.950</u>	<u>102.816.222.638</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	718.140.714.956	714.972.701.317
Chi phí vật liệu, bao bì	228.015.302.696	226.253.778.289
Chi phí khấu hao TSCĐ	121.499.128.714	104.423.876.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.025.368.645.624	3.000.079.316.766
Chi phí bán hàng khác	712.309.653.877	573.947.671.799
Cộng	<u>3.805.333.445.867</u>	<u>4.619.677.344.206</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	178.370.170.646	203.774.184.110
Chi phí dụng cụ đồ dùng	11.156.112.760	11.670.342.386
Chi phí khấu hao TSCĐ	39.950.993.039	45.568.048.595
Quỹ Viễn thông công ích	(18.330.029.892)	46.681.879.826
Quỹ Khoa học công nghệ	136.000.000.000	193.500.000.000
Phí thương quyền	78.800.903.585	107.727.092.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.399.620.370	189.807.582.403
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	114.754.637.134	128.512.653.523
Cộng	<u>692.102.407.642</u>	<u>927.241.783.807</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	27.535.213.925
Thu cước đã xóa nợ	663.539.999	965.322.010
Thu nhập khác	14.086.172.984	69.372.113.120
Cộng	<u>14.749.712.983</u>	<u>97.872.649.055</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	4.630.562.760	-
Chi phí khác	7.587.246.501	5.077.800.945
Cộng	<u>12.217.809.261</u>	<u>5.077.800.945</u>

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Tổng công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế ngoại trừ các công ty con ở nước ngoài có thuế suất thuế TNDN như sau:

- Công ty TNHH MobiFone Global USA: 29,4% trên thu nhập chịu thuế.
- Công ty TNHH VNPT Global HongKong: 16,5% đối với thu nhập từ hoạt động phát sinh tại Trung Quốc, Hong Kong. Theo chính sách mới đối với doanh nghiệp có lợi nhuận dưới 2.000.000.000 HKD thì thuế suất áp dụng là 8,25%. Theo đó, thuế suất áp dụng cho năm 2020 của Công ty là 8.25%.
- Công ty TNHH Global Singapore Pte: 17% trên thu nhập chịu thuế.
- Công ty TNHH MobiFone Global USA: 30% thu nhập chịu thuế.
- Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Các báo cáo thuế của Tổng công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	891.150.918.179	1.266.254.145.985
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	55.302.840.638	(27.590.502.074)
Cộng	<u>946.453.758.817</u>	<u>1.238.663.643.911</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	484.153.733.033	696.875.276.493
Chi phí nhân công	1.799.848.684.424	1.564.505.673.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.753.361.670.716	4.274.632.388.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.485.120.522.807	15.570.606.428.319
Chi phí khác	1.479.454.590.116	1.680.453.513.350
Cộng	<u>22.001.939.201.096</u>	<u>23.787.073.280.326</u>

